TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2019/DS-PT
Ngày 24 – 4 - 2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐÃK LÃK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Văn Công Dần

Các Thẩm phán: 1. Ông Doãn Đình Quyến

2. Bà Lê Thị Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh -Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2019/TLPT-DS ngày 22/01/2019 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:76/2019/QĐ-PT ngày13 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:* Ông Đinh Xuân B, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk.Đều có mặt

- *Bị đơn:*Bà Phạm Thị H , sinh năm 1948. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1.Ông Ngô Quang V, sinh năm 1943; Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T (Vắng mặt) đã ủy quyền cho bà Phạm Thị H.

3. Bà Nguyễn Thị H1 - Có mặt; ông Nguyễn Văn H2; Vắng mặt.

4. Bà Đinh Thị Hồng C, Đinh Thị Hồng L1, ông Đinh Mạnh C, Ông Đinh Mạnh Q đã ủy quyền cho ông Đinh Xuân B.

5. Ông Đinh Đức T1và bà Đinh Thị Thu H3 đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N1.

6. Bà Đinh Thị Thanh L2- Sinh năm 1968 . Có mặt.

7. Bà Lê Thị L. Vắng mặt.

8. Bà Đào Thị D. Vắng mặt.

Cùng trú tại thôn 07, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk.

9. Ủy ban nhân dân huyện S.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện S: Ông Nguyễn Đình T, chức vụ phó chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đinh Xuân B trình bày:

Lô đất hiện nay ông đang tranh chấp với bà Phạm Thị H có nguồn gốc: Vào năm 1989 ông và ông Đinh Xuân T1 (chú ruột của ông), ông Đinh Xuân H4 (đã chết và là chồng của bà Nguyễn Thị N) cùng khai hoang để trồng lúa. Hai năm sau thì chia làm 03 phần mỗi người được một phần. Đến năm 1998, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 373688 có số thửa 121b, tờ bản đồ số 10 với diện tích 1.055m^2 vị trí lô đất tại thôn 7, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk mang tên hộ ông Đinh Xuân B. Sau đó gia đình ông có ý định làm nhà nên thuê xe đổ đất với số tiền khoảng 3.000.000 đồng. Ngày 22/12/2010 bà Phạm Thị H đổ đất xây dựng nhà và công trình phụ cho con trai và con dâu là anh Nguyễn Văn T, chị Đào Thị D trên đất của ông, nhiều lần ông ra ngăn cản không cho bà H xây dựng công trình trên đất và sự việc đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhưng không thành. Ngày 27/01/2011 ông B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình bà Phạm Thị H tháo dỡ toàn bộ công trình trên diện tích đã lấn chiếm là 78m^2. Ngày 11/02/2012 ông B làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình bà Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn T và chị Đào Thị D (Con trai và con dâu bà H) tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích đất đã lấn chiếm tổng diện tích là 276,5m^2.Ngày 8/6/2016 ông B đã có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giỉa quyết buộc bà Phạm Thị H tháodỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất và trả lại cho gia đình ông 270m^2 đã lấn chiếm. Ngày 11/10/2017 ông B có đơn xin bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình bà Phạm Thị H tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất và trả lại cho gia đình ông 351,91m^2. Vị trí đất và tứ cận như sau:

Phía đông giáp đất bà Nguyễn Thị N;

Phía nam giáp thửa đất 125 còn lại;

Phía tây giáp đất ông Nguyễn Đình H;

Phía bắc giáp đất ông Đinh Xuân B;

Tổng diện tích 351,91m^2. Vị trí thửa đất tại thôn 7, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vào năm 1989, chồng bà là ông Đinh Quang H4 (đã chết năm 1993) có khai hoang cùng với anh trai là ông Đinh Xuân B và chú ruột là ông Đinh Xuân T1cùng trú tại thôn 7, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk và sau đó chia làm 03 phần cho 03 gia đình. Về phần đất của gia đình bà đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 373757, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.490m^2 tại thôn 7, xã E, huyện S. Đến ngày 05/01/2011 bà Phạm Thị H đào móng xây dựng nhà cho con trai và con dâu là Nguyễn Văn T, Đào Thị D lấn chiếm phần đất của gia đình bà có diện tích 11,16m^2. Do vậy, ngày 13/4/2011, bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình bà Phạm Thị H tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm và trả lại cho bà. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 11/10/2012 bà làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình bà Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn T và chị Đào Thị D tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích đất đã lấn chiếm tổng diện tích là 61,84m^2. Ngày 08/6/2016 bà N đã có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình bà H tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất và trả lại cho bà 42,5m^2. Ngày 11/10/2017 bà N đã làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình bà Phạm Thị H tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất và trả lại cho bà 11,59m^2 đất đã lấn chiếm. Vị trí và tứ cận đất như sau:

Phía đông giáp đất bà Nguyễn Thị N;

Phía nam giáp thửa đất 125 còn lại;

Phía tây giáp đất ông Đinh Xuân B;

Phía bắc giáp đất bà Nguyễn Thị N;

Tổng diện tích 11,59m^2. Vị trí thửa đất tại thôn 7, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk.

Tại bản tự khai bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Năm 1990 gia đình bà có khai hoang khoảng trên 06 ha đất nông nghiệp tại thôn 7, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk. Đến năm 1994 bà đi vắng nhà một thời gian nên giao lại số diện tích đất trên cho vợ chồng con gái bà là chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Văn H2 trông coi và canh tác. Đến năm 1997, 1998 Nhà nước tiến hành đo đạc và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2000, con gái bà nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới phát hiện ra thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10 không có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình mình mà nhà nước lại cấp cho bà Lê Thị L cùng trú tại thôn 7, xã E, huyện S.Năm 2000, 2001 Nhà nước có chủ trương xây dựng Trung tâm cụm xã E, huyện S nên đã quyết định thu hồi đất của bà Lê Thị L tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10 và đã đền bù, bồi thường đầy đủ cho bà Lê Thị L, phần diện tích còn lại

khoảng 600m^{2}của thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10 nằm ngoài dự án trung tâm cụm xã E nên không bị nhà nước thu hồi thì bà lấy diện tích đất này xây dựng nhà ở và công trình phụ cho con trai và con dâu bà là Nguyễn Văn T, Đào Thị D. Ngày 06/01/2014 bà H cung cấp cho Tòa án một tờ bản đồ số 10 tại thôn 7, xã E, huyện S và cho rằng diện tích đất của thửa số 125 là 3.555m^2 để chứng minh là gia đình bà không lấn chiếm diện tích đất của ông B, bà N. Việc ông Đinh Xuân B và bà Nguyễn Thị N cho rằng bà xây dựng trên đất của họ tại thửa số 121b và thửa số 121 cùng tờ bản đồ số 10 là không đúng nên bà không đồng ý trả lại đất.

Còn đối với khối lượng đất đắp nền để xây dựng công trình thì bà đã thuê xe đổ đất trong khu vực diện tích đất nói trên, còn lại ông B thuê đổ bao nhiêu thì bà không biết nhưng với khối lượng rất ít.

Trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Ngô Quang V (Chồng bà H) đồng ý với ý kiến của bà H, ngoài ra ông V còn cho rằng gia đình ông làm nhà cho con trai là Nguyễn Văn T trên thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10 (tờ bản đồ gia đình ông đã cung cấp cho Tòa án) chứ không làm nhà trên thửa đất số 121 và 121b của ông B, bà N nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B, bà N.

Bà Nguyễn Thị H1 (Con gái bà H) trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của bà Phạm Thị H và ông Ngô Quang V (bố, mẹ của bà), bà H1 cho rằng thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10 tại thôn 7, xã E, huyện S, là của bố, mẹ bà khai hoang nhưng sau đó nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị L. Năm 2000 nhà nước thu hồi đất của bà L để quy hoạch trung tâm cụm xã E, sau khi thu hồi phần đất của thửa 125 bố mẹ bà đã làm nhà cho Nguyễn Văn T. Nay ông B, bà N khởi kiện yêu cầu gia đình bà trả lại đất lấn chiếm thì bà không đồng ý.

Bà Đinh Thị Thanh L2 trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của chồng bà là ông Đinh Xuân B, ngoài ra, bà khẳng định bà H xây dựng trên thửa đất 121b của gia đình bà và lấn chiếm diện tích 351,91m^2. Bà L2 yêu cầu gia đình bà H tháo dỡ công trình xây dựng trên đất lấn chiếm và trả lại cho gia đình bà diện tích đất đã lấn chiếm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2016 bà Lê Thị L trình bày: Năm 1997 bà mua của bà Hà Thị N1 01 lô đất tại thôn 7, xã E, huyện S. Đến năm 1998 bà kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1998 bà được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 378741, diện tích 2.525m^2, thửa đất 125, tờ bản đố số 10, tại thôn 7, xã E, huyện S. Ngày 06/01/2000 thì UBND huyện S ban hành quyết định số 05/QĐ-UB thu hồi toàn

bộ diện tích thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10 và UBND huyện S đã đền bù tiền đất cho gia đình bà và bà đã nhận đủ tiền nên không còn liên quan đến thửa đất số 125. Việc ông B, bà N tranh chấp với bà H thì bà L không liên quan và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện S ông Nguyễn Đình T trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân tại thôn 7, xã E, huyện S trong đó có các hộ ông Đinh Xuân B, bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị L là đúng trình tự thủ tục, quy định của pháp luật, không có khiếu nại, khiếu kiện gì. Việc cấp giấy chứng nhận cho các hộ tại thôn 7, xã E, huyện S, UBND huyện S căn cứ vào tờ bản đồ số 10, đo vẽ đúng theo quy định có con dấu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (Sở địa chính tỉnh Đăk Lăk duyệt tháng 12/1998, UBND huyện S duyệt công nhận vào ngày 26/12/1998, UBND huyện S công nhận ngày 29/12/1998). Việc bà Phạm Thị H cung cấp cho Tòa án tờ bản đồ số 10 nhưng không có ngày tháng đo vẽ, không có chữ ký, con dấu xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền nên không hợp pháp. UBND huyện đã cung cấp chứng cứ, trả lời công văn cho Tòa án nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 16/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 4, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 97, Điều 189, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 22, 100, 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai 2013; Các Điều 255, 256, và Điều 688 Bộ Luật Dân sự 2005; Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân B và bà Nguyễn Thị N.

1. Buộc bà Phạm Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quang V, anh Nguyễn Văn T, chị Đào Thị D phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất (gồm nhà xây tường, cột khung gỗ, nền đất, gác lửng, mái lợp tôn; nhà vệ sinh; bể nước) và trả lại toàn bộ diện tích đã lấn chiếm cho gia đình ông Đinh Xuân Btại thửa đất số 121b, tờ bản đồ số 10, cụ thể vị trí đất và tứ cận như sau:

Phía đông giáp đất bà Nguyễn Thị N;

Phía nam giáp thửa đất 125 còn lại;

Phía tây giáp đất ông Nguyễn Đình H;

Phía bắc giáp đất ông Đinh Xuân B;

Tổng diện tích 351,91m^2. Vị trí thửa đất tại thôn 7, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk.

2. Buộc bà Phạm Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quang V, anh Nguyễn Văn T, chị Đào Thị D phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất (gồm một trụ thờ xây bằng gạch cao 80cm) và trả lại diện tích đã lấn chiếm cho gia đình bà Nguyễn Thị N tại thửa dất số 121, tờ bản đồ số 10, cụ thể vị trí đất và tứ cận như sau:

Phía đông giáp đất bà Nguyễn Thị N;

Phía nam giáp thửa đất 125 còn lại;

Phía tây giáp đất ông Đinh Xuân B, thửa 121b;

Phía bắc giáp đất bà Nguyễn Thị N;

Tổng diện tích 11,59m^2. Vị trí thửa đất tại thôn 7, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đã rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11/10/2017.

4. Buộc ông Đinh Xuân B phải thanh toán khoản tiền chi phí đổ đất, đắp nền cho gia đình bà H là 3.079.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N phải thanh toán khoản tiền chi phí đổ đất và đắp nền cho gia đình bà H là 844.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/12/2018, bị đơn bà Phạm Thị Hkháng cáo toàn bộ bản án, bà đề nghị HĐXX xem xét nội dung của bản án sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của các nguyên đơn nhằmđể đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà .

Tại phiên tòa, đồng nguyên đơn ông Đinh Xuân B, bà Nguyễn Thị Nvẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn bà Phạm Thị Hgiữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát bản án sơ thẩm không tuyên độ dài các tứ cận của diện tích đất tranh chấp nên đề nghị bổ sung. Mặc khác, Bà H là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án thì bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu án phí DSST là không đúng nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk về phần án phí dân sự sơ thẩm .

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về nguồn gốc đất của các bên tranh chấp: Vào năm 1989 gia đình ông B, và gia đình bà N có khai hoang diện tích đất tại thôn 7, xã E, huyện S để trồng lúa. Năm 1998 được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình nêu trên, cụ thể cấp cho hộ gia đình ông Đinh Xuân B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 373688, thửa đất số 121b, tờ bản đồ số 10 với diện tích 1.055m^2 và cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 373757, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.490m^2, vị trí đất tại thôn 7, xã E, huyện S (hai lô đất có vị trí liền kề nhau). Cũng tại thời điểm này, UBND huyện S còn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị L số O 373741, thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.525m^2 tại thôn 7, xã E, huyện S có vị trí đất nằm đối diện với đất của hộ ông B và bà N. Ông Đinh Xuân B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng trên đất và trả lại cho gia đình ông 351,91m^2 đất đã lấn chiếm và bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án buộc gia đình bà Phạm Thị H tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất và trả lại cho bà 11,59m^2 đất đã lấn chiếm.

[2] Bà Phạm Thị H cho rằng năm 1990 gia đình bà có khai hoang khoảng 06 ha đất nông nghiệp tại thôn 7, xã E, huyện S, sau đó bà đi khỏi địa phương một thời gian có giao đất lại cho con gái bà là Nguyễn Thị H1quản lý, đến năm 2007 thì phát hiện thửa 125, tờ bản đồ số 10 UBND huyện S do bà khai hoang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị H số O 373741, thửa đất số 125, diện tích 2.525m^2. Sau đó bà có làm đơn nhưng không được giải quyết. Do diện tích đất của thửa số 125 không bị thu hồi hết mà vẫn còn lại hơn 600m^2 nên bà đã xây dựng nhà ở và công trình phụ cho con trai và con dâu bà là Nguyễn Văn T, Đào Thị D trên phần diện tích này. Tuy nhiên,tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2016 của bà Lê Thị L thì bà L trình bày lô đất của bà Lê Thị L thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 10 với diện tích 2.525m^{2}đã được UBND huyện S

thu hồi toàn bộ quyền sử dụng đất của bà L để xây dựng công trình Trung tâm cụm xã E tại quyết định số 05/QĐ-UB ngày 06/01/2000. Ủy ban đã đền bù đầy đủ và bồi thường cho bà L. Lô đất của bà L không liên quan tới diện tích đất đang tranh chấp giữa nhà ông B, bà N và bà H (BL 518). Quá trình làm việc tại cấp sơ thẩm bà Phạm Thị H cho rằng bà đã làm nhà cho con trai và con dâu bà trên thửa đất số 125, diện tích 3.555m^2, tờ bản đồ số 10 (Đã cung cấp cho Tòa án ngày 06/01/2014 (Bút lục 337), tại thôn 7, xã E là đất của gia đình bà tuy nhiên tại công văn số 2035/STNMT-ĐĐBĐ ngày 04/11/2016 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đăk Lăk xác nhận (BL524): Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đăk Lăk không lưu giữ tờ bản đồ nào giống như tờ bản đồ số 10, tại thôn 7, xã E mà bà H đã cung cấp cho Tòa án.Do đó, chứng cứ do bà H đã cung cấp không có ngày, tháng năm đo vẽ, không có ngày, tháng, năm nghiệm thu, không có con dấu, chữ ký của cơ quan có thẩm quyền không có giá trị pháp lý để xem xét.

[3] Về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ ông B, hộ bà N, hộ bà L: Qua xác minh làm việc tại UBND xã E, phòng Tài nguyên và môi trường huyện S thì nhận thấy trình tự và thủ tục cấp giấy chứng nhận cho các hộ trên là đảm bảo đúng với quy định của pháp luật, không ai có khiếu kiện gì.

[4] Qua các lần xem xét và thẩm định tại chỗ,căn cứ tờ bản đồ số 10, tại thôn 7, xã E do UBND xã E lưu trữ trùng khớp với tờ bản đồ do Tòa án nhân dân huyện S thu thập tại Văn phòng đăng ký đất đai thuộc sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đăk Lăk lưu trữ và cung cấp thì thửa đất số 125 sau khi thu hồi diện tích còn lại 148,9m^2, vị trí phần đất còn lại nằm đối diện thửa 121, 121b cách nhau con đường đi vào xã Ea Khal chứ không phải tại thửa đất 121, 121b như bà H trình bày. Các thửa đất khác như bà H trình bày cũng không liên quan hay chồng lấn gì đến thửa đất 121, 121b,125. Đối chiếu với các biên bản kiểm tra hiện trường, ranh giới thửa đất lập ngày 15/5/2017 và mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 01/2017 lập ngày 26/5/2017 vị trí thửa đất 121, 121b do văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh ĐắkLắk cung cấp (BL: 625, 625a), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B, bà N, bà H và tiến hành xem xét đo đạc thực địa thì xác định toàn bộ diện tích thửa đất bà H xây dựng nhà cho con trai và con dâu nằm trong diện tích thửa đất số 121b với diện tích 351,91m^2 và nằm trong thửa đất số 121 với diện tích 11,59 m^{2}thuộc tờ bản đồ số 10 mà UBND huyện S đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Xuân B, bà Nguyễn Thị N.

Mặt khác, Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà H không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh gia đình bà không xây dựng trên phần đất của

người khác nên kháng cáo của bà H không có căn cứ để chấp nhận, bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S đã xét xử là có căn cứ.

Bản án dân sự sơ thẩm số16/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân B và bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Phạm Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quang V, anh Nguyễn Văn T, chị Đào Thị D phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất (gồm nhà xây tường, cột khung gỗ, nền đất, gác lửng, mái lợp tôn; nhà vệ sinh; bể nước) và trả lại toàn bộ diện tích đã lấn chiếm cho gia đình ông Đinh Xuân Btại thửa đất số 121b, tờ bản đồ số 10, cụ thể vị trí đất và tứ cận như sau:

Phía đông giáp đất bà Nguyễn Thị N;

Phía nam giáp thửa đất 125 còn lại;

Phía tây giáp đất ông Nguyễn Đình H;

Phía bắc giáp đất ông Đinh Xuân B;

Tổng diện tích 351,91m^2. Vị trí thửa đất tại thôn 7, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk.

Buộc bà Phạm Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quang V, anh Nguyễn Văn T, chị Đào Thị D phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất (gồm một trụ thờ xây bằng gạch cao 80cm) và trả lại diện tích đã lấn chiếm cho gia đình bà Nguyễn Thị N tại thửa dất số 121, tờ bản đồ số 10, cụ thể vị trí đất và tứ cận như sau:

Phía đông giáp đất bà Nguyễn Thị N;

Phía nam giáp thửa đất 125 còn lại;

Phía tây giáp đất ông Đinh Xuân B, thửa 121b;

Phía bắc giáp đất bà Nguyễn Thị N;

Tổng diện tích 11,59m^2. Vị trí thửa đất tại thôn 7, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk.

Mặc dù, bản án sơ thẩm không tuyên độ dài các tứ cận của diện tích đất tranh chấp nhưng tuyên buộc gia đình bà H tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất và trả toàn bộ diện tích đất mà gia đình bà H chiếm giữ cho các nguyên đơn thì cũng đảm bảo công tác thi hành ántheo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 01/2017 lập ngày 26/5/2017 vị trí thửa đất 121, 121b do văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh ĐắkLắk cung cấp (BL: 625, 625a).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự: Bà H- Sinh năm 1948 là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu án phí DSST là không đúng nên cần chấp nhận đơn kháng cáo của bà H để miễn toàn bộ án phí DSST cho bà H.

Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H -Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Lắkvề phần án phí dân sự sơ thẩm.

[2].Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân B và bà Nguyễn Thị N.

[2.1]. Buộc bà Phạm Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quang V, anh Nguyễn Văn T, chị Đào Thị D phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất (gồm nhà xây tường, cột khung gỗ, nền đất, gác lửng, mái lợp tôn; nhà vệ sinh; bể nước) và trả lại toàn bộ diện tích đã lấn chiếm cho gia đình ông Đinh Xuân B tại thửa đất số 121b, tờ bản đồ số 10, cụ thể vị trí đất và tứ cận như sau:

Phía đông giáp đất bà Nguyễn Thị N;

Phía nam giáp thửa đất 125 còn lại;

Phía tây giáp đất ông Nguyễn Đình H;

Phía bắc giáp đất ông Đinh Xuân B;

Tổng diện tích 351,91m^2. Vị trí thửa đất tại thôn 7, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk.

[2.2]. Buộc bà Phạm Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quang V, anh Nguyễn Văn T, chị Đào Thị D phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất (gồm một trụ thờ xây bằng gạch cao 80cm) và trả lại diện tích đã lấn chiếm cho gia đình bà Nguyễn Thị N tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số 10, cụ thể vị trí đất và từ cận như sau:

Phía đông giáp đất bà Nguyễn Thị N;

Phía nam giáp thửa đất 125 còn lại;

Phía tây giáp đất ông Đinh Xuân B, thửa 121b;

Phía bắc giáp đất bà Nguyễn Thị N;

Tổng diện tích 11,59m^2. Vị trí thửa đất tại thôn 7, xã E, huyện S, tỉnh Đăk Lăk.

(Theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 01/2017 lập ngày 26/5/2017 vị trí thửa đất 121, 121b do văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh ĐắkLắk cung cấp).

[3]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đã rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11/10/2017.

[4]. Buộc ông Đinh Xuân B phải thanh toán khoản tiền chi phí đổ đất, đắp nền cho gia đình bà H là 3.079.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N phải thanh toán khoản tiền chi phí đổ đất và đắp nền cho gia đình bà H là 844.000 đồng.

[5]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản các bên đã tự nhận nộp và đã nộp đầy đủ.

Áp dụng Điều 357 BLDS năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H. Bà Phạm Thị Hđược nhận lại số tiền 400.000 đồng tạm ứng ánphí mà bà H đã nộp tại biên lai thu số 0007134 ngày 07/02/2012 và biên lai thu số 0022521 ngày 11/12/2014của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Ông Đinh Xuân Bvà bà Nguyễn Thị N mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền do ông B, bà N mỗi người đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo các biên lai số 0002588 ngày 28/01/2011 và biên lai thu số 0002606 ngày 13/4/2011của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

[7].Về án phí DSPT*:*

Bà Phạm Thị H không phải chịu tiền án phí DSPT. Bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0006561 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

[8].Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện S;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Văn Công Dần